Phẩm Thứ 4: **BỔN GIÁC LỢI**

Luận chép: Tất cả hữu tình từ vô thỉ đến nay nhập vào đêm dài vô minh dấy lên mộng lớn vọng tưởng, Bồ-tát tu quán lúc đạt được vô sanh, thông suốt chúng sanh xưa nay vắng lặng dứt khóat là vốn có hiểu biết (bổn giác), nằm giường Nhất Như dùng lợi ích vốn có này làm lợi ích chúng sanh. Phẩm này nói lên đạo lý này cho nên gọi là Phẩm Bổn Giác lợi.

Kinh: "Nhĩ thời Bồ-tát Vô Trụ văn Phật sở nói nhất vị chân thật bất khả tư nghị, tùng viễn cận lai thân Như-lai tòa chuyên niệm đế thính, nhập thanh bạch xứ thân tâm bất động". Lúc ấy, Bồ-tát Vô Trụ nghe Đức Phật giảng nói về một vị chân thật không thể nghĩ bàn, từ xa đến gần tiếp cận ngồi tòa Như-lai chuyên chú ý niệm chăm chú lắng nghe, nhập vào chỗ thuần khiết thân tâm không xao động.

Luận chép: Nói riêng về quán hành, trong sáu phần, dưới đây là phần thứ ba nói về Bổn giác lợi. Dựa vào vô sanh hành có thể hội nhập bổn giác, mới có thể hóa hiện khắp ích lợi cho tất cả. Căn cứ vào nghĩa này cho nên kế là giảng nói về điều đó.

Ngay nơi văn có ba: Một là nói rộng về bổn giác lợi ích, hai là dùng kệ khen ngợi, ba là lúc ấy chúng hội được lợi ích. Trong phần Một có hai: 1. Dựa vào xao động nói về yên tĩnh, sơ lược nêu lên tông chỉ của bổn lợi. 2. Từ nhỏ nhiệm đến lớn rõ nói rộng về nghĩa lý của bổn lợi. Trong phần một có ba: Một là nhờ vào thân di động để nêu lên bổn lợi. Hai là Căn cứ ngôn ngữ trở lại để nêu lên bổn lợi Ba là phát raánh sáng khen ngợi chúc mừng bổn lợi. Trong phần đầu nói Bồ-tát Vô Trụ là, vị này tuy thông hiểu bổn giác vốn không phát khởi xao động, mà không an trụ vắng lặng thường khởi lên hóa hiện rộng khắp. Dựa vào đức đặt tên hiệu gọi là Vô Trụ. Đức của Vô Trụ khế hợp với bổn lợi, do đó dựa vào vị này để nói lên tông chỉ đó. Nói một vị chân thật không thể nghĩ bàn là vì phẩm trước nói Tâm vô sanh hành không thể nghĩ bàn v.v... Từ từ đến gần bên tòa của Như-lai: Chỗ ngồi trước đó cách xa tòa của Đức Phật, nghe phẩm trước xong dời đến chỗ gần hơn, biểu thị thời gian trước đó chưa nghe pháp sâu xa, đại vị ở tại phàm phu ngu dốt cách xa quả Phật, nay nghe Đức Phật giảng nói đạt được lợi ích về bổn giác, tự biết sẽ được quả Phật, đang gần kề. Chuyên niệm lắng nghe, thân tâm bất động nơi thanh bạch: Lúc đã gần cạnh tòa ngồi Đức Phật thì chuyên chú niệm hướng về lắng nghe, nhập vào nơi thanh tịnminh bạch vốn có, thuận theo hiểu biết vốn có (bổn giác), yên tĩnh nên thân

tâm không xao động, vì vậy chính là nói lên lúc nhập vào hiểu biết ban đầu thông suốt vốn có không hề xao động được vô sở đắc.

Kinh: "Nhĩ thời Phật cáo Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Nhữ tùng hà lai kim chí hà sở? Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Nhữ hàng hà lai kim chí vô bổ sở". Lúc bấy giờ Đức Phật nói với Bồ-tát Vô Trụ: Ông từ đâu đến nay đến nơi nào? Bồ-tát Vô Trụ chép: Bạch Đức Thế Tôn! Con từ chỗ không có ban đầu đến nay đến nơi không có ban đầu.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai dựa vào lời nói quay trở lại. Trong đó có ba: Hỏi - Đáp và Nói rõ thành tựu. Thứ hai là ý trả lời nói về địa vị phàm phu đến địa vị bậc Thánh, lúc đến địa vị bậc Thánh ngoái lại tìm xem mình từ xưa đến nay thế nào. Khi xưa ở vị phàm phu mới bắt đầu hướng đi tự tin rằng tâm mình vốn không hề khởi lên xao động, vì vậy căn bản khởi động không thật có, nay đến địa vị hàng Thánh lúc đạt được vô sanh chứng thật biết rõ tự tâm xưa nay không có sanh khởi, vì căn bản của sanh khởi là vô sở đắc. Do đó biết rằng bắt đầu từ nơi không vốn có mà đến, nay nơi đã đến cũng là nơi không vốn có (vô bổn sở). Đã nêu không vốn có (vô bổn), nên biết là không cuối cùng (vô mạt). Vô bổn mạt là không đến không tới (vô lai vô chí). Chỉ nương nhờ thuận theo từ ngữ của Đức Phật hỏi để giả định gởi gắm lời của đến - tới. Tuy không có đến - tới mà chẳng phải hoàn toàn không có đến - tới. Vì do nơi đến tới để nói về đến tới, vì chỗ đến - nơi tới như nhau không vốn có.

Kinh: "Phật ngôn: Nhữ bổn bất tùng lai, kim diệc bất chí sở, nhữ đắc bổn lợi không thể nghĩ bàn, thị Đại Bồ-tát Ma-ha tát". Đức Phật nói: Ông vốn không từ đầu đến, nay cũng không tới nơi nào, ông đạt được lợi ích vốn có không thể nghĩ bàn, là bậc Đại Bồ-tát.

Luận chép: Đây là phần nói về thành tựu. Ý nói về thành tựu rằng: Nơi tới - nơi đến đã như nhau không từ đầu thì không có đến - tới, Vì sao? Vì nơi đến không khác đối với nơi tới, vốn không có từ đâu đến, nơi tới đã giống nhau đối với nơi đến cho nên nay không có tới (vô sở chí). Lại, nơi đến đã không có từ đầu cho nên không có đến không thể đến (vô lai bất lai), nay nơi đã tới cũng không có từ đầu cho nên không có tới không thể tới (vô chí bất chí). Đã không có đến - không có tới (vô lai vô chí) xưa nay vắng lặng, cho nên chép: Ông đạt được lợi ích vốn có không thể nghĩ bàn. Đã đạt được lợi ích vốn có về tự lợi lợi tha, cho nên nói là Đại Bồ-tát.

Kinh: "Tức phóng tại quang biến chiếu đại thiên thế giới nhi nói kệ ngôn: Đại tai Bồ-tát, trí tuệ mãn túc, thường dĩ bổn lợi, lợi ích chúng

sanh, ư tứ oai nghi, thường trụ bổn lợi, đạo chư quần thứ, bất lai khứ khứ". Tức thì phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp thế giới đại thiên mà nói kệ: Thật lớn thay Bồ-tát! Trí tuệ được đầy đủ, thường dùng lợi vốn có, lợi ích cho chúng sanh, đối với bốn oai nghi, thường trụ lợi vốn có, dẫn dắt các chúng sanh, không đến mà cứ đi.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ ba Như-lai phát ra ánh sáng biểu hiện ngợi khen Bồ-tát. Trong đó có hai: Trước là tựa của người kết tập kinh điển: Lý do phát ra ánh sáng lớn soi chiếu đại thiên thế giới ấy là để biểu hiện đạt được trí tuệ rộng lớn ánh sánh soi chiếu thế gian tăm tối khiến cho được sáng suốt, chứng thật thành tựu Như-lai đã khen ngợi trước đó. Thật lớn thay Bồ-tát là đặc biệt khen ngợi Bồ-tát Vô Trụ. Trí tuệ đầy đủ ấy là vì không có gì biết mà không có gì không biết. Ở bốn oai nghi thường trụ bổn lợi là như trước đã từng bày từ xa đến gần bên cạnh tòa ngồi Như-lai, vì vậy thị hiện lợi ích hiểu biết vốn có (bổn giác lợi). Bất lai khứ khứ là vắng lặng mà thường cảm hóa. Nói không đến là tùy theo sự dẫn dắt giáo hóa khiến cho được xuất thế không còn trở lại. Nói khứ khứ là tùy theo đạt được không lui sụt lần lượt vượt ra mà đến Thiện Thệ.

Kinh: "Nhĩ thời Bồ-tát Vô Trụ nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Dĩ hà lợi chuyển, nhi chuyển chúng sanh nhất thiết tình thức nhập úm ma la?". Lúc bấy giờ Bồ-tát Vô Trụ lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Dùng lợi ích nào xoay chuyển tất cả tình thức của chúng sanh nhập vào Án ma la?

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai giảng rộng về nghĩa của bổn lợi. Trong đó có hai: Một là trực tiếp mở rộng, hai là hiển bày lại. Trong phần đầu trực tiếp mở rộng trước là hỏi - sau là trả lời. Dùng lợi nào chuyển: Là hỏi về nghĩa chủ động giáo hóa chuyển vận lợi ích, hỏi về câu "dẫn dắt các chúng sanh" ở trước. Mà chuyển chúng sanh v.v... Là hỏi về nghĩa được giáo hóa chuyển vận các thức, hỏi về câu "Mà cứ đi: "Khứ khứ" trước đây. Tất cả tình thức tức là tám Thức. Úm-ma-la: Là Thức thứ chín. Nghĩa về chín Thức của Tam Tạng Chân Đế căn cứ vào văn này thành lập, như chương kia giải thích.

Kinh: "Phật ngôn: Chư Phật Như-lai thường dĩ nhất giác, nhi chuyển chư thức nhập úm ba la. Hà dĩ cố? Nhất thiết chúng sanh bổn giác, thường dĩ nhất giác như chúng sanh, linh bỉ chúng sanh giai đắc bổn giác, giác chư tình thức vắng lặng vô sanh. Hà dĩ cố? Quyết định bổn tánh bổn vô hữu động". Đức Phật nói: Chư Phật Như-lai thường lấy Nhất giác mà chuyển đổi các Thức nhập vào Án-ma-ba-la. Tại vì sao?

Vì tất cả chúng sanh vốn có hiểu biết, thường lấy Nhất giác để giác ngộ các chúng sanh, khiến cho chúng sanh kia đều đạt được hiểu biết vốn có, giác ngộ các tình thức vắng lặng không có sanh khởi. Tại vì sao? Vì quyết định bổn tánh vốn không có xao động.

Luận chép: Là phần trả lời chính là mở rộng về nghĩa của bổn lợi. Trong đó có hai: Trước là nêu ra - sau là giải thích. Chư Phật Như-lai thường dùng Nhất giác: Là nêu ra căn bản của năng hóa. Mà chuyển các thức nhập Án-ma-la: Là nêu ra sự chuyển đổi sở hóa. Trong giải thích có hai: Chính là giải thích - quay lại giải thích. Trong chính là giải thích nói Nhất thiết chúng sanh bổn giác ấy là giải thích về Nhất giác căn bản của năng hóa, tất cả chúng sanh cùng một hiểu biết vốn có cho nên nói là Nhất giác Thể của Chư Phật ở đây chính là thường cảm hóa rộng khắp (năng phổ hóa) cho nên nói là "thường dùng". Vì dùng bổn giác này làm cho người khác giác ngộ, cho nên nói là thường dùng nhất giác giác ngộ cho chúng sanh. Khiến chúng sanh kia đều được bổn giác: Là giải thích về câu: Được giáo hóa chuyển đổi nhập vào: Bổn giác chính là Thức Án-ma-la. Đắc bổn giác: Là giải thích nghĩa Nhập vào. Lúc nhập vào bổn giác ngộ, các tám Thức xưa nay vắng lặng, giác ngộ hoàn toàn cho nên các Thức không thể sanh khởi, vì thế nói là các Thức vắng lặng vô sanh. Câu này chính là giải thích về câu chuyển đổi các Thức. Văn này hiển bày đầy đủ hai Giác bổn - thỉ. Nói là Nhất thiết chúng sanh bổn giác v.v... ấy là nghĩa về Bổn giác, giác ngộ các tình thức vắng lặng vô sanh ấy là nghĩa về Thỉ giác, là hiển bày Thỉ giác tức là giống như Bổn giác. Từ "Vì sao? v.v..." về sau là thứ hai quay lại giải thích. Giải thích Thỉ giác trước đây vốn giác ngộ vắng lặng, tuy các tám Thức này tùy theo duyên mà động chuyển, nhưng cầu mong tánh ổn định đều không có gì đạt được, cho nên nói là Quyết định bổn tánh vốn không có xao động, vốn không có xao động cho nên vốn là vắng lặng.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Khả nhất bát thức giai duyên cảnh khởi như hà bất động?". Bồ-tát Vô Trụ chép: Có thể tám Thức của một chúng sanh đều là duyên cảnh phát khởi, như thế nào không dao động?

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai giảng nói lại. Trong đó có hai. Trước là giảng nói Thỉ giác, sau là diễn Bổn giác. Trong phần đầu cũng có hai: Một là Giảng nói các Thức Vắng lặng; hai là Giảng nói các Thức Vô sanh. Trước là sự giác ngộ của Thỉ giác, sau là Thỉ giác của khả năng giác ngộ. Trong phần đầu thì có sáu phần hỏi - đáp trong đó có ba: Một là Hai lần hỏi đáp trước chính thức nói về Vắng lặng. Hai là

Hỏi đáp lần thứ ba là nói về Tướng không giống nhau. Ba là ba lần hỏi đáp sau nói về Tướng không khác nhau. Lần hỏi đáp đầu tiên này nói về không có khởi lên xao động. Nói Khả nhất: Là nói rằng tất cả, nghĩa là tất cả chúng sanh vốn có tám thức; đều duyên cảnh khởi: Trong bốn duyên tạm thời nêu ra duyên duyên để vấn nạn về không dao động (bất động).

Kinh: "Phật ngôn: Nhất thiết cảnh bổn không, nhất thiết thức bổn không, không vô duyên tánh như hà duyên khởi?". Đức Phật nói: Tất cả cảnh vốn không, tất cả Thức vốn không, không có tánh duyên thì làm sao duyên khởi?

Luận chép: Tạm thời xả bỏ cảnh duyên, nói lên Thức không có khởi.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Nhất thiết cảnh không như hà kiến? Phật ngôn: Kiến tức vi vọng, hà dĩ cố? Nhất thiết muôn hữu vô sanh, vô tướng, bổn bất tự danh, tất giai vắng lặng, nhất thiết pháp tướng diệc phục như thị, nhất thiết chúng sanh thân diệc như thị, thân thượng bất hữu vân hà kiến?". Bồ-tát Vô Trụ chép: Tát cả cảnh không thì làm sao thấy? Đức Phật nói: Thấy tức là vọng, tại vì sao? Vì tất vả muôn hữu không có sanh - không có tướng, vốn không tự nơi tên gọi, thảy đều vắng lặng, tất cả pháp tướng cũng như vậy, tất cả thân chúng sanh cũng như vậy, thân hãy còn chẳng thể có thì làm sao thấy?

Luận chép: Dưới đây là hỏi đáp lần thứ hai nói về thấy là vọng vì vọng cho nên là chân không, nghĩa là cảnh là không cho nên thấy có cảnh tức là vọng, thấy cũng là không cho nên suy nghĩ có thấy cũng là vọng. Trong giải thích có hai, chung và riêng: Nói chung: Ấm giới đều có vốn không từ nơi tên gọi - Ngã là các sắc, chỉ do vọng tâm gọi là các sắc, vì thế cho nên tất cả thảy đều là không vắng lặng. Trong nói riêng cho rằng tất cả pháp tướng cũng giống như thế: Nghĩa là pháp tướng sáu trần bên ngoài như núi sông. Tất cả chúng sanh thân cũng như thế: Thân năm ấm bên trong như sắc - thọ v.v... thân thể hãy còn không làm sao có dụng thấy?

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Nhất thiết cảnh không, nhất thiết thân không, nhất thiết thức không, giác diệc ứng không. Phật ngôn: Khả nhất giác giả bất hủy bất hoại, quyết định tánh phi không phi bất không vô không bất không". Bồ-tát Vô Trụ chép: Tất cả cảnh là không, tất cả thân là không, tất cả Thức là không, hiểu biết cũng phải là không. Đức Phật nói: Có thể tất cả hiểu biết ấy không phá hủy không làm hỏng, quyết định tánh chẳng phải là không - chẳng phải không là không -

không có là không - không thể là không.

Luận chép: Dưới đây là lần thứ ba nói về tướng không giống nhau của hiểu biết - không hiểu biết (giác bất giác). Ý hỏi rằng Giác cũng nên là Không: Từ duyên sanh ra Thức đã là không, từ duyên khởi lên Giác cũng là không, Thức đã là không cho nên thấy đó là vọng, Giác cũng là không cho nên Giác đó cũng vọng. Đức Phật trả lời ý nói rằng tất cả hiểu biết ấy, không làm hỏng đạo lý cho nên chẳng phải có thể là không, không giữ lại tự tánh cũng chẳng phải không thể là không, vì thế trong giác không có là không - không thể là không. Các Thức không như thế, vọng giữ lấy các pháp không phù hợp với chân lý, có thể là không - có thể xả bỏ, như vậy không giống nhau, sao có thể tương tự lẫn nhau? Quyết định tánh: Nghĩa là chân như tánh không thể phá hoại được, vì tánh tự nhiên như thế. Nói không hủy: Không giữ lấy tướng có dùng cản trở không. Nói không hoại: Không tính toán tánh không có, dùng tổn hại chân thật. Nghĩa là không hủy hoại đối với tánh quyết định.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Chư cảnh diệc nhiên phi không tướng phi vô không tướng. Phật ngôn: Như thị bỉ khả cảnh giả tánh bổn quyết định, quyết định tánh căn vô hữu nơi chốn. Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Giác diệc như thị vô hữu nơi chốn. Phật ngôn: Như thị giác vô xứ cố thanh tịnh, thanh tịnh vô giác vật vô xứ cố thanh tịnh, thanh tịnh vô sắc". Bồ-tát Vô Trụ chép: Các cảnh cũng như vậy chẳng phải tướng là không - chẳng phải tướng chẳng có không. Đức Phật nói: Như vậy có thể cảnh kia là tánh vốn quyết định, gốc rễ quyết định tánh không có nơi chốn. Bồ-tát Vô Trụ chép: Giác cũng như vậy không có nơi chốn. Đức Phật nói: Như vậy Giác không có nơi chốn cho nên thanh tịnh, thanh tịnh không có sắc Giác, không có nơi chốn cho nên thanh tịnh, thanh tịnh không có Sắc.

Luận chép: Dưới đây là ba lần nói về tướng không sai khác. Trong đó hai lần trước nói về tướng giống nhau của Giác và Cảnh, lần hỏi đáp sau hiển rõ tướng giống nhau của Giác và thức. Trong phần đầu lần trước nói về Cảnh giống như Giác, nói là các cảnh vọng xưa nay không có, đã không có điều đó, sao có tướng là không? Đã chẳng phải có là không, sao có thể không có là không. Vì thế nói "phi không tướng phi vô không tướng". Theo điều này mà nói thì không khác với Giác. Trong trả lời nói Tánh vốn quyết định: Trình bày vốn không có cho nên chẳng phải tướng là không. Không có nơi chốn: Trình bày chẳng phải có là không cho nên chẳng phải không có là không. Lần hỏi đáp sau trình bày Giác giống như cảnh. Giác cũng như vậy: Giác cũng là duyên sanh, vì

tánh vốn là không. Trong trả lời nói Thanh tịnh vô giác: Lý của Giác là không xa lìa tất cả tướng cho nên nói là thanh tịnh. Giác tánh đã là không - trong là không không có Giác, như trong sắc là không không có tướng của Sắc. Trước nói về Cảnh giống như Giác ấy là lấy nghĩa về Cảnh chẳng phải là không chẳng phải không là không đồng với nghĩa về Giác trước đây chẳng phải là không chẳng phải không là không. Nay nói về Giác giống như cảnh ấy là dùng lý vô tướng là không của Giác tánh đồng với nghĩa vô tướng là không của Cảnh. Hai văn không giống nhau cần phải biết như vậy.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Tâm nhãn thức diệc phục như thị không thể nghĩ bàn. Phật ngôn: Tâm nhãn thức diệc phục như thị không thể nghĩ bàn, hà dĩ cố sắc vô nơi chốn thanh tịnh vô danh bất nhập ư nội, nhãn vô nơi chốn thanh tịnh vô kiến bất xuất ư ngoại, tâm vô nơi chốn thanh tịnh vô thượng vô hữu khởi xứ, thức vô nơi chốn thanh tịnh vô động vô hữu duyên biệt, tánh giai vắng lặng". Bồ-tát Vô Trụ chép: Tâm - nhãn - thức cũng giống như thế không thể nghĩ bàn. Đức Phật nói: Tâm - nhãn - thức cũng giống như thế không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì sắc không có nơi chốn, thanh tịnh không tên gọi không thể nhập vào bên trong, nhãn không có nơi chốn, thanh tịnh không trông thấy không thể vượt ra bên ngoài; tâm không có nơi chốn, thanh tịnh không gì hơn không có xứ khởi lên, thức không có nơi chốn, thanh tịnh không dao động không có duyên khác nhau, tánh đều là không vắng lặng.

Luận chép: Đây là lần thứ ba nói về Thức giống như Giác. Tâm nhãn thức: Nghĩa là tâm chứa nhóm hạt giống nhãn thức và hạt giống này đã khơi dậy nhãn thức. Sơ lược đưa ra hai thứ này nêu lên tánh là không đó. Về sau dựa sát vào bốn duyên nói về nhãn thức là không. Sắc không nơi chốn: Vì tánh của Sắc tự là không. Thanh tịnh vô danh: Vì trong là không không có Sắc. Không nhập ở trong: Vì không cùng với nhãn căn làm thành cảnh giới, là nói về sở duyên duyên là không. Nhãn không có nơi chốn thanh tịnh không có thấy: Vì trong nhãn tánh là không không có nhãn căn. Không ra ở ngoài: Vì không có năng lực thật hành đối với cảnh giới sắc, là nói về tăng thượng duyên là không. Tâm không nơi chốn thanh tịnh vô thượng: Trong hạt giống là không không có hạt giống, vì đứng đầu trong bốn duyên không có nơi chốn khởi lên: Vì nơi chốn không tự khởi lên Thức, là nói về nhân duyên là không. Thức không có nơi chốn, thanh tịnh không động: Vì đã không có ba duyên thì nhãn thức không thể khởi lên. Không có duyên khác nhau: Dùng vô duyên sắc liễu biệt Thức, là nói về Đẳng vô gián duyên và

nhãn thức là không. Duyên ấy là duyên của diệt trước đây, biệt ấy là biệt của kết thúc; sanh sau này. Hai thứ này đều là không cho nên nói là vô hữu. Như vậy bốn duyên và thức đều là không, tổng kết nói là Tánh đều vắng lặng. Như nói nhãn thức và bốn duyên đều là không cho đến ý thức thuận theo như vậy mà nói, gọi là pháp không có nơi chốn thanh tịnh không tên gọi không nhập vào bên trong, ý không có nơi chốn thanh tịnh không nhìn thấy không vượt ra bên ngoài, tâm không có nơi chốn, thanh tịnh không gì hơn, không có xứ khởi lên, thức không có nơi chốn, thanh tịnh không dao động không có duyên khác nhau, tánh đều là không vắng lặng. Ý trong này ấy là Thức thứ bảy. Tâm trong này ấy là Thức thứ tám, là nói về tám Thức, đều hoàn toàn là không vắng lặng cho nên đồng với tất cả Giác Không.

Kinh: "Tánh vô hữu giác giác tắc vi giác. Thiện nam tử! Giác tri vô giác chư thức tắc nhập, hà dĩ cố? Kim cương trí địa, giải thoát đạo đoạn, đoạn dĩ nhập vô trụ địa, vô hữu xuất nhập, tâm xứ vô tại, quyết định tánh địa, kỳ địa thanh tịnh như tịnh lưu ly, tánh thường bình đẳng như bỉ đại địa, giác diệu quán sát như tuệ nhật quang, lợi thành đắc bổn như đại pháp vũ, nhập thị trí giả thị nhập Phật trí địa, nhập trí địa giả chư Thức bất sanh". Tánh không có giác - giác tức là giác. Này người thiện nam! Giác biết là không có giác thì các thức lập tức hội nhập, tại vì sao? Vì Kim cương trí địa, giải thoát đạo đoạn, đoạn rồi nhập vào vô trụ địa, không có ra vào, tâm xứ không tồn tại, quyết định tánh địa, địa đó thanh tịnh như lưu ly trong suốt, tánh thường bình đẳng như mặt đất kia, khéo hiểu biết quán sát như ánh sáng mặt trời trí tuệ, lợi ích thành tựu đạt được căn bản như cơn mưa đại pháp, người nhập vào trí này là nhập vào Phật trí địa, nhập vào trí địa ấy thì các Thức bất sanh khởi.

Luận chép: Đây là phần thứ hai nói về các Thức bất sanh khởi. Muốn trình bày lúc đầu tùy theo vô minh mà các Thức sanh sanh khởi nay thuận theo Thỉ giác trở về nguồn tâm. Lúc quay về nguồn tâm các Thức không khởi lên, Thức không khởi lên cho nên Thỉ giác đầy đủ trọn vẹn. Trong đó có hai: Sơ lược nêu ra và mở rộng giải thích. Trong phần nêu ra cũng có hai: Đầu tiên nói Tánh không có giác giác tức vi giác: Là nêu lên chương Thỉ giác viên mãn. Giác biết không có giác thì các thức liền nhập: Là nêu lên chương các thức bất sanh. Nói Tánh không có giác: Nghĩa là trong Không Tánh không những không có Thức mà cũng không có Thỉ giác. Giác ngộ biết lý không có giác tức là trí của Thỉ giác cho nên nói là Giác tức là giác. Nói Giác biết là không có giác: Nhắc lại Thỉ giác trước đó, lúc thỉ giác đầy đủ thì tám Thức không khởi

lên, vì thuận theo Giác không có giác không có các Thức. Vì thuận theo Giác cuối cùng quay về nguồn tâm, cho nên nói các Thức liền hội nhập. Từ "Vì sao?" về sau trong phần giải thích có hai: Trước nói về nhân đầy đủ, sau hiển rõ về quả trọn vẹn. Kim cương trí địa: Nói là địa vị Đẳng giác đầy đủ nhân của Thỉ giác, Kim cương dụ cho Định - nghĩa như trước đã nói, nay dựa theo nhân của Giác gọi là Kim cương gọi là Kim cương trí. Giải thoát đạo đoạn: Nhân của Bất sanh đầy đủ. Nhưngtrong này Đoạn có hai nghĩa của nó. Nếu đối với sanh đạt được Vô minh trụ địa, tức là Kim cương tâm làm Vô gián đạo, Diệu Giác sơ tâm là Giải thoát đạo. Lúc Vô gián đạo cùng với vô minh đều còn, Giải thoát đạo khởi lên mới có thể chính thức đoạn. Nếu đối với hạt giống hý luận của các Thức hý luận, thì tâm trước đó là vô gián đạo, cùng với hạt giống kia cùng khởi lên cùng diệt đi, một niệm sau cuối Kim cương dụ Định là Giải thoát đạo, chính thức đoạn hạt giống. Nay dựa theo phần nghĩa đoạn hạt giống đó cho nên nói Kim cương giải thoát đạo đoạn. Lúc này hiện có Dị thục Thức ấy là do hạt giống đã sanh ra niệm trước đó, vì sanh khởi nhân quả không cùng một thời gian. Sau này Dị thục không tiếp tục sanh khởi ấy là lúc này đã đoạn tất cả hạt giống. Vì vậy biết Hán dịch Giải thoát đạo đoạn chính là nhân của các Thức bất sanh. Kế đến hiển bày quả đó. Trong đó có hai: Trước là nói về Giác viên mãn, sau là nói về Thức bất sanh. Trong phần đầu chép: Đoạn rồi nhập vô trụ địa: Kim cương giải thoát đoạn hạt giống rồi, liền nhập địa vô trụ của Diệu Giác. Ngoài hai đế tồn tại độc lập không có hai cho nên nói là vô trụ. Tâm của Vô trụ cùng dứt hết hai đế cho nên nói không có khác nhau giữa xuất tục nhập chân đã không có xuất nhập - không tồn tại Không Hữu cho nên nói Tâm xứ không tồn tại. Nơi chốn không tồn tại chỉ là Nhất tâm. Thể của Nhất tâm xưa nay vắng lặng cho nên nói là Quyết định tánh địa. Lúc nhất tâm hiển bày thì tám Thức đều xoay chuyển, cho nên ở tại lúc này bốn trí viên mãn. Vì sao? Vì chính nhất tâm này xa lìa ám muội trở thành sáng suốt, rõ ràng trong sáng không hình ảnh nào không thể chiếu rọi cho nên nói là địa đó thanh tịnh. Như lưu ly trong suốt: là hiển bày nghĩa của Đại viên cảnh trí: Ngay nơi nhất tâm này xa lìa hai bên thông suốt tự tha bình đẳng không hai cho nên nói là Tánh thường bình đẳng. Như đại địa kia: Là hiển nghĩa của Bình đẳng tánh trí. Nhất tâm như vậy không có gì quán xét (vô sở quán) cho nên đối với các pháp môn không có gì không thể quán sát, vì thế nói là Giác diệu quán sát. Như ánh sáng mặt trời trí tuệ: Là nói về nghĩa của Diệu quán sát trí: Như vậy nhất tâm không có nghĩa gì tạo tác (Vô sở

tác) cho nên đối với sự việc lợi tha không có gì không thể thật hiện, vì thế nói là lợi thành tựu bổn như mưa pháp lớn. Cơn mưa tưới thấm muôn vật khiến cho quả hạt thành tựu; trí này cũng như vậy, sự việc lợi tha thành tựu làm cho đạt được bổn giác, là nói về nghĩa của Thành sở tác trí. Bốn trí đã trọn vẹn là Thỉ giác đầy đủ. Từ "người nhập vào trí địa này v.v..." về sau là kế là nói về các Thức bất sanh. Đạt được bốn trí này chính là địa vị của Diệu Giác, cho nên nói là nhập vào Phật trí địa. Lúc này đã quay về cội nguồn của Nhất tâm, vì các làn sóng của tám Thức không thể tiếp tục khởi động, nhập vào trí địa ấy thì các Thức bất sanh khởi vậy. Hai phần trên đây giảng nói về Thỉ giác hoàn tất.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Như-lai sở nói nhất giác thánh lực tứ hoằng trí địa, tức nhất thiết sanh bổn căn giác lợi. Hà dĩ cố? Nhất thiết chúng sanh tức thử thân trung bổn lai mãn túc?". Bồ-tát Vô Trụ chép: Như-lai đã nói về Nhất giác Thánh Lực - tứ hoằng trí địa, chính là tất cả chúng sanh vốn có gốc rễ lợi ích giác ngộ. Tại vì sao? Vì tất cả chúng sanh ngay trong thân này xưa nay đầy đủ.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai giảng nói về nghĩa của Bổn giác. Trong đó có hai: Một là chính thức trình bày, hai là xả bỏ mê đắm. Trong phần một cũng có hai: trước là nói về lý không có hai của Bổn giác, sau là chỉ ra môn nhập chứng của trừ chướng, trong phần trước cũng có hai: Đầu là hỏi, sau là trả lời. Trong phần hỏi Nhất giác Thánh lực tứ hoằng trí địa ấy là tiếp thu lần lượt nghĩa của bốn trí đã nói trước đây. Thỉ giác viên mãn tức là giống như Bổn giác, Bổn - Thỉ không hai cho nên gọi là Nhất giác. Không có việc gì không làm cho nên nói là Thánh lực. Trong nhất giác đều là bốn đại trí địa nắm giữ các công đức, cho nên nói là Trí địa. Như vậy bốn trí giống nhau một tâm, lượng đều không có gì không hoàn bị, cho nên gọi là Hoằng trí. Như vậy Nhất giác chính là Pháp thân, pháp thân tức là chúng sanh Bổn giác, cho nên nói tất cả chúng sanh vốn có gốc rễ lợi ích giác ngộ. Xưa nay vốn có vô lượng tánh đức xông ướp tâm chúng sanh làm nên hai thứ nghiệp, cho nên gọi là Bổn lợi. Căn cứ vào nghĩa Bổn giác không hai cho nên không có một chúng sanh nào vượt ra ngoài pháp thân, vì vậy nói tức trong thân này xưa nay vốn đầy đủ.

Kinh: "Phật ngôn: Như thị! Hà dĩ cố? Nhất thiết chúng sanh bổn lai vô lậu, chư thiện lợi bổn, kim hữu dục thứ vi vị hàng phục". Đức Phật nói: Đúng vậy! Vì sao? Vì tất cả chúng sanh xưa nay vô lậu là căn bản của các thiện, lợi, nay có dục giữ lấy mà vì chưa hàng phục.

Luận chép: Đây là trả lời đồng ý các câu hỏi. Trình bày trong Bổn

giác có vô lượng tánh đức không bị ba lậu làm cho nhiễm động, cho nên nói là Xưa nay vô lậu. Lấy đây làm căn bản sinh các điều thiện, ích lợi, cho nên nói là căn bản của các thiện, lợi. Tuy có Bổn giác mà do khách trần dục giữ lấy che phủ, cho nên nay chưa đạt được Bổn giac chính mình mà thôi.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Nhược hữu chúng sanh vị đắc bổn lợi, do hữu thái tập, vân hà hàng phục nan phục? Phật ngôn: Nhược tập nhược độc hành, phân biệt cập dữ nhiễm, hồi thần trụ không quật, hàng phục nan điều phục, giải thoát ma sở phược, siêu nhiên lộ địa tọa, thức ấm bàn Niết-bàn". Bồ-tát Vô Trụ chép: Nếu có chúng sanh chưa đạt được lợi ích vốn có, còn có sưu tập, làm sao hàng phục điều khó hàng phục? Đức Phật nói: Hoặc là tập - hoặc là độc hành phân biệt cùng với đắm nhiễm, quay lại tinh thần an trụ hang trống, hàng phục cái khó điều phục, thoát khỏi sự trói buộc của ma, vượt ra ngoài ngồi nơi đất trống, thức - ấm nhập vào Niết-bàn.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai chỉ ra môn trừ chướng hội nhập chứng. Trong đó cho hai: Trước hỏi - sau đáp. Trong Hỏi nói tập ấy là trình bày ba Hữu muốn giữ lấy quả sanh tử cho nên nói là Thái (thu thập) các phiền não này cùng với tâm tương ưng cho nên nói là Tập (Nhóm họp). Từ vô thỉ đến nay hiện hành không ngớt cho nên nói là khó phục. Trị đạo mới sanh khởi lực đó còn yếu kém, làm sao có thể điều phục, nghi ngờ như vậy. Trong trả lời có ba: Trước là đưa ra Sở phục, sau nói khả năng điều phục đạt được những thắng lợi. Hoặc tập, hoặc riêng làm: Tâm hành của chúng sanh thô tế không chắc chắn, hoặc lúc phiền não tương ưng cho nên Tập, hoặc lúc tâm hành xa lìa hoặc chướng cho nên riêng. Lúc xa lìa phiền não hãy còn có pháp chấp phân biệt, lúc phiền não đều còn thì bị đắm nhiễm bởi phiền não, vì thế nói là phân biệt cùng với nhiễm. Kế là nói về Năng phục: Nói là nương vào kinh Phật, hồi chuyển tâm thần, gạt tướng người pháp an trụ lý hai không, cho nên nói là hồi chuyển tâm thần trụ nơi hang trống. Tâm này mới khởi lên mà thuận với đạo lý, cho nên có năng lực hơn hẳn. Hoặc chướng kia từ vô thỉ mà trái ngược đạo lý cho nên không thể nào địch nỗi. Do đó nói Hàng phục sự khó điều phục, là nói về Địa tiền điều phục trừ diệt hai chướng. Căn cứ vào đây điều phục đạo nhập vào địa của đoạn đạo, dần dần bạt trừ hạt giống cho đến mãi mãi không còn. Lúc không bao giờ còn thì xa lìa bốn loại ma, cho nên nói Giải thoát ma ràng buộc. Kế đến nói về hàng phục đạt được những thắng lợi có hai, đó là Bồ-đề quả cùng với quả quả. Bồ-đề quả là vượt khỏi nơi làng

xóm của năm ấm hữu lậu ngồi nơi đạo tràng đạt được vô thượng giác, cho nên nói vượt ra khỏi ngồi nơi đất trống. Nói quả quả ấy là dùng vô thượng giác chứng đại Niết-bàn, giác ngộ các Thức đều hội nhập, cho nên nói Thức ấm bát Niết-bàn.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Tâm đắc Niết-bàn độc nhất vô bạn, thường trụ Niết-bàn ưng đương giải thoát". Bồ-tát Vô Trụ chép: Tâm đạt được Niết-bàn chỉ có một chẳng bè bạn, thường an trụ Niết-bàn sẽ hướng về giải thoát.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai xả bỏ mê đắm. Trong đó có hai: Trước là nói về vô trụ để xả bỏ sự mê đắm của có an trụ, sau là chỉ ra vô đắc để trừ diệt cái chấp của có đạt được. Trong phần đầu có hai: Trước hỏi - sau trả lời. Trong phần Hỏi nói chỉ có một là lúc tám Thức chuyển đổi trở thành một Giác. Nói không bè bạn là hai chấp về người - pháp xa lìa không còn. Giác của không bè bạn thường an trụ vào Niết-bàn Trí của thường an trụ thoát khỏi tất cả ràng buộc; có dấy lên cái chấp này cho nên thật hiện câu hỏi này.

Kinh: "Phật ngôn: Thường trụ Niết-bàn thị Niết-bàn phược. Hà dĩ cố? Niết-bàn bổn giác lợi, lợi bổn Niết-bàn. Niết-bàn giác phần tức bổn giác phần Giác tánh bất dị Niết-bàn vô dị, giác bổn vô sanh Niết-bàn vô sanh, giác bổn vô diệt Niết-bàn vô diệt. Niết-bàn bổn cố vô đắc Niết-bàn, Niết-bàn vô đắc vân hà hữu trụ? Thiện nam tử! Giác giả bất trụ Niết-bàn. Hà dĩ cố? Giác bổn vô sanh ly chúng sanh cấu, giác bổn vô tịch ly Niết-bàn động. Trụ như thị địa tâm vô sở trụ, vô hữu xuất nhập úm ma la". Đức Phật nói: Thường an trụ Niết-bàn là Niết-bàn ràng buộc. Tại vì sao? Vì Niết-bàn vốn là giác lợi, lợi ích vốn là Niết-bàn. Niết-bàn giác phần chính là căn bản giác phần. Giác tánh không thể khác Niết-bàn không khác nhau, giác bổn bất sanh khởi Niết-bàn bất sanh khởi, giác bổn không diệt đi, Niết-bàn không diệt Niết-bàn vốn có cho nên không đắc Niết-bàn, Niết-bàn không đạt được làm sao có an trụ? Này thiện nam! Giác là không an trụ Niết-bàn. Tại vì sao? Vì giác vốn bất sanh khởi xa lìa chúng sanh cấu nhiễm, giác vốn không vắng lặng xa lìa Niết-bàn xao động. An trụ nơi như vậy thì tâm không có gì an trụ (vô sở trụ), không có ra vào hội nhập úm ma la.

Luận chép: Đây là phần trả lời chính là xả bỏ cái chấp về có an trụ. Trong đó có hai: Đầu tiên sơ lược phá trừ chấp trước, sau đó rộng ra hiển bày rõ lý. Trong phần đầu nói Thường trụ Niết-bàn là Niết-bàn trói buộc ấy là giả sử có Giác thường an trụ vào Niết-bàn tức là chấp trước ràng buộc đối với Niết-bàn, làm sao thường an trụ là giải thoát

được? Từ "Vì sao.." về sau mở rộng hiển bày rõ đạo lý. Lý không có an trụ vì vậy có an trụ là trái với lý. Tâm trái với lý chẳng phải ràng buộc thì là gì? Ý giải thích như vậy. Trong đó có hai: Trước là dựa theo Bổn giác để trình bày vô trụ, sau là dựa theo Thỉ giác để hiển bày rõ Vô trụ. Nghĩa về Vô dị này có bốn loại của nó: 1. Lý vốn không khác nhau. Vì như kinh nói "Niết-bàn vốn là giác lợi, lợi vốn là Niết-bàn", là nói về Niết-bàn, là vốn có giác lợi. Giác lợi vốn có này là nguồn gốc Niết-bàn, Thỉ giác đó chính là đồng với Bổn giác, vì thể không khác nhau cho nên không đạt được. 2. Giác phần không khác nhau. Như kinh nói "Niết-bàn giác phần tức bổn giác phần", là nói về các đức của Niết-bàn chính là đức của bổn giác, không khác nhau - không đạt được như trước giải thích. 3. Một vị không khác nhau. Như kinh nói "Giác tánh không thể khác Niết-bàn không khác", là nói về giác tánh đồng nhất vị không có tướng sai khác, tức là không có sai khác về Niết-bàn. 4. Không hai không khác nhau. Như kinh nói "Giác vốn vô sanh, Niết-bàn vô sanh, giác vốn vô diệt Niết-bàn vô diệt", là nói về Bổn giác vốn không có sanh diệt, tức là không có sanh diệt của Niết-bàn. Căn cứ theo bốn loại đạo lý vô dị này vốn không có khác nhau cho nên không có đắc Niết-bàn, là nói về nghĩa không có "năng đắc" Niết-bàn giác. Kế đến nói Niết-bàn vô đắc. Là nói về nghĩa Niết-bàn, không có "sở đắc". Đã không có năng đắc, sở đắc, thì đâu có khả năng trụ, sở trụ? Vì đều này cho nên chép: Làm sao có an trụ? Chính là hiển bày rõ thường trụ không thể thích hợp đạo lý. Kế đến dựa theo Thỉ giác để nói về vô trụ, trước nêu ra - sau giải thích. Nói Giác giả: Nghĩa là người bắt đầu giác ngộ. Trong giải thích nói Giác vốn vô sanh ấy là giác ngộ biết rõ sanh tử xưa nay bất sanh khởi, cho nên xa lìa mê đắm sự cấu nhiễm của sanh tử. Nói giác vốn vô tịnh ấy là giác ngộ biết rõ Niết-bàn vốn không vắng lặng, cho nên xa lìa nhập vào sự xao động của Niết-bàn. Tâm không có sở trụ: Vì không trụ vào sanh tử và Niết-bàn. Không có xuất nhập: Vì không thấy Tục hữu và chân Không. Nhập Úm-ma-la: Vì Thể của nhất tâm xa lìa hai bên quay về nguồn tâm này cho nên gọi là Nhập. Như vậy vô trụ mới được giải thoát, vì thế trụ (chấp) Niết-bàn không thể xa lìa ràng buộc.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Úm-ma-la thức thị hữu nhập xứ, xứ hữu sở đắc thi đắc pháp dã". Bồ-tát Vô Trụ chép: Thức Úm-ma-la là có nơi nhập vào, nơi có những gì đạt được là đạt được pháp vậy.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai xả bỏ chấp trước về có đạt được. Trong đó có bốn: 1. Chính thức nói về vô đắc. 2. Tiếp tục xả bỏ

tính ý nghi ngờ. 3. Lĩnh ngộ hiểu rõ. 4. Nói về thành tựu. Trong phần một có hai: Trước hỏi - sau trả lời. Dựa theo lời nói về Nhập trước kia như nói nghĩa "giữ lấy", nói rằng Vô cấu thức tức có chỗ sở nhập, lúc nhập vào chứng đắc cho nên có sở đắc. Có dấy lên nghi ngờ này cho nên thật hiện câu hỏi này.

Kinh: "Phật ngôn: Bất! Hà dĩ cố? Thí như mê tử thủ chấp kim tiền nhi bất tri hữu, du hành thập phương kinh ngũ thập niên, bần cùng khốn khổ chuyên sự cầu sách, nhi dĩ dưỡng thân nhi bất sung túc. Kỳ phụ kiến tử hữu như thị sự nhi vị tử ngôn: Nhữ chấp kim tiền hà bát thủ dụng, tùy ý sở tu giai đắc sung túc. Kỳ tử tỉnh dĩ nhi đắc kim tiền tâm đại vui mừng nhi vị đắc tiền. Kỳ phụ vị ngôn: Mê tử! Nhữ vật hân dịch, sở đắc kim tiền thị nhữ bổn vật, nhữ phi hữu đắc vân hà khả hỷ?". Đức Phật nói: Không thể! Tại vì sao? Vì ví như người con mê muội tay cầm tiền vàng mà không biết là có, lang thang khắp nơi trải qua năm mươi năm trời, nghèo túng khốn khổ chuyên việc tìm kiếm để mà nuôi thân nhưng không đầy đủ. Người cha thấy con có việc như vậy nên gọi người con chép: Con cầm tiền vàng sao không lấy sử dụng, tùy ý cần thứ gì đều được đầy đủ. Người con tỉnh ngộ rồi mà lại được tiền vàng, lòng rất vui sướng nên mà cho rằng mình được tiền. Người cha chép: Này con mê muội! Con chớ vui mừng, tiền vàng có được là vật con vốn có, chẳng có gì đạt được thì vì sao đáng mừng?

Luận chép: Đây là phần trả lời chính là nói về nghĩa của Vô đắc. Trong đó có ba: Đó là pháp - dụ - hợp. Đầu tiên nói "không thể" là chung về không phải có đạt được. Từ "Vì sao? v.v..." trở xuống là Dụ nói về Vô đắc. Trong đó có bốn loại Dụ: 1. Dụ về người mê không biết có tiền vàng lang thang nghèo khổ. 2. Dụ về người cha chỉ ra cho con có tiền vàng khiến cho được đầy đủ. 3. Dụ về vui mừng được tiền vàng. 4. Dụ về nói cho biết không phải có đạt được. Trong dụ đầu nói người con mê muội nghĩa là các chúng sanh mê mờ nguồn tâm của mình, Như-lai vô cùng thương xót xem giống như con một, cho nên dụ là người con mê muội. Cùng tử nơi Pháp Hoa chỉ hạn cuộc dụ cho Thanh-văn, trong kinh này dụ cho tất cả chúng sanh. Tay cầm tiền vàng..." là dụ cho các vọng thức năm sự phiền não ràng buộc chấp trước phân biệt, bao phủ tâm thanh tịnh của mình cho nên không biết là có. "Đi rảo mười phương..." vì biến kế năm tướng và năm sự. "Trải qua năm mươi năm": Là thọ nhận năm Ấm sanh ra năm mươi ác. Bần "Nghèo" do là ít có điều thiện thế gian. "Túng" là vì hoàn toàn không có tài vật xuất thế. Khốn đốn là hoặc đọa tam đồ, khổ sở là hoặc sanh trong trời - người chịu khổ đau

nhẹ hơn. "Chỉ biết cầu xin" là cầu niềm vui thế gian làm phước nghiệp. "Ma dùng nuôi thân" là thọ nhận niềm vui trời người mà thọ dụng. "Mà không sung túc" ấy là thọ nhận niềm vui thế gian càng tăng thêm khát ái, hưng thịnh thì có suy tàn, vì lợi ích vô nghĩa. Trong Dụ thứ hai người cha thấy con: Đức Phật quay về nguồn tâm đồng thể đại bi, vì các chúng sanh làm người cha hiền từ. "Có sự việc như vậy" là có như Dụ đầu đã nói "Mà bảo con rằng": Là vì chúng sanh nói về giáo pháp Đại thừa. "Người giữ tiền vàng sao không đem dùng" là chỉ rõ có tâm thanh tịnh nên tin hiểu. "Tùy ý cần dùng đều được sung túc" là nếu sử dụng tâm thanh tịnh thì Bổn giác thắng lợi, Pháp thân tuệ mạng được đầy đủ trọn vẹn. Trong Dụ thứ ba người con tỉnh ra: Nghe giáo pháp Đại thừa mà sanh ra tin hiểu, địa vị ở nơi Địa tiền, "Rồi lại được tiền vàng" là được nhập vào sơ địa chính là thông suốt địa vị, chứng thấy Phật tánh lợi ích Bổn giác. "Tâm rất vui mừng" là trong Hậu đắc trí niệm đang hiện tiền được sanh khởi niềm vui cực độ. Mà cho rằng mình được tiền là: Xuất quán thất niệm trong tâm hữu lậu cho nên khởi lên chấp pháp, nói là có đắc. Trong Dụ thứ tư "Tiền vàng có được là vật vốn có của ngươi": Là chỉ ra lợi ích của Bổn giác đã chứng được đó xưa nay thuộc về ông chứ không phải mới có. Ngươi không phải có được sao có gì đáng vui?" Là đã vốn thuộc về ngươi chứ không phải nay mới đạt được, vì thế không nên đối với cái đạt được sanh tâm mê đắm. Ngươi chớ vui quá là ngăn dứt sự phân biệt, cho rằng có đạt được mà sanh khởi mê đắm vui mừng thích thú.

Kinh: "Thiện nam tử! Úm-ma-la giả diệc phục như thị, bổn vô xuất tướng, kim tắc phi nhập, tích mê cố phi vô, kim giác cố phi nhập". Này người thiện nam! Úm-ma-la cũng giống như vậy, vốn không có tướng vượt ra, nay thì chẳng phải nhập vào, xưa mê muội nên chẳng phải không có, nay giác ngộ vì thế chẳng phải nhập vào.

Luận chép: Đây là phần thứ ba về Hợp. Trong đó có hai: Chung kết hợp và riêng kết hợp. Trong phần kết hợp chung nói úm ma la: Hán dịch là Vô Cấu, Bổn giác vốn thanh tịnh - tánh không hề chuyển biến thay đổi giống như tiền vàng kia tánh không có thay đổi. Lại nữa. Kim (vàng) có bốn nghĩa về Dụ. Thường lạc ngã tịnh trong Bổn giác là hợp chung với nghĩa kim Tiền (tiền vàng) trong bốn Dụ. Trong hợp riêng có bốn câu. "Vốn không có tướng ra" là hợp dụ thứ nhất câu "tay cầm tiền vàng" Nay tức không phải vào là hợp dụ thứ ba câu: "Mà được tiền vàng" Xưa mê nên không phải không có, là hợp với thứ hai, câu "con cầm tiền vàng sao không lấy sử dụng". "Xưa mê cho nên không sử

dụng, mà tay cầm vì thế chẳng phải không có. Nay giác ngộ nên không phải là hội nhập hợp với dụ thứ tư câu: Là vật con vốn có, chẳng phải đạt được". Nay giác ngộ vốn có không ngoài tự tâm, đã vốn có không ngoài sao có thể nhập vào, chẳng phải có nhập vào cho nên chẳng phải có đạt được.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Bỉ phụ tri kỳ tử mê vân hà kinh ngũ thập niên thập phương du lịch bần cùng khốn khổ phương thỉ cácngôn? Phật ngôn: Kinh ngũ thập niên nhất niệm tâm động thập phương du lịch viễn hành biến kế". Bồ-tát Vô Trụ chép: Người cha kia biết con mình mê muội vì sao trải qua năm mươi năm rong ruỗi khắp mười phương, nghèo cùng khốn khổ rồi mới bảo cho biết. Đức Phật dạy: Trải qua năm mươi năm, một niệm tâm động, mười phương, suy nghĩ khắp nơi đi xa.

Luận chép: dưới đây là tiếp tục xả bỏ tình ý nghi ngờ. Ba lần hỏi đáp lần lượt xả bỏ nghi ngờ, đây là lần thứ nhất. Hỏi dựa vào Dụ mà nghi ngờ. Đáp ngay nơi pháp để xả bỏ. Ý trả lời nhưng chép: Trải qua năm mươi năm, dụ cho Nhất niệm tâm động. Đi khắp mười phương, dụ cho dự định đi xa. Đây tức là trong khoảng một niệm suy nghĩ khắp cả các pháp, chính là ở tại niệm này người cha đã nói cho biết, lúc nói cho biết liền được tỉnh ngộ, lúc ở niệm cuối cùng đạt được không có gì đạt được, như giác ngộ tiền vàng mà không có gì đạt được. Vì lẽ đó người cha nói cho biết chẳng phải là trải qua thời gian dài, chỉ là hiển rõ một niệm có đủ năm mươi ác nghiệp, vì thế trong Dụ nói là trải qua năm mươi năm mà thôi. Ý trả lời như vậy. Nghĩa này là thế nào? Đó là do lực của vô minh mà khởi lên bốn tướng, vì lực của bốn tướng vô minh hòa hợp, thường dao động một tâm sanh trụ - dị - diệt, một tâm đã dao động lôi kéo bốn tướng này, vì thế cho nên nói tên là Nhất niệm tâm động. Như Luận khởi Tín chép: "Tự tánh thanh tịnh tâm vì gió vô minh dao động v.v...", cho đến nói rộng ra, trong đó chính là biết rõ, như ý kia giải thích.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Vân hà nhất niệm tâm động? Phật ngôn: nhất niệm tâm động ngũ ấm cụ sanh, ngũ ấm sanh trung cụ ngũ thập ác". Bồ-tát Vô Trụ chép: Thế nào là một niệm tâm dao động? Đức Phật nói: Một niệm tâm dao động năm ấm sanh khởi đầy đủ, trong năm ấm sanh khởi có đủ năm mươi ác nghiệp.

Luận chép: Đây là phần thứ hai xả bỏ nghi ngờ thứ hai, nói lên sự chữa trị ác, muốn nói về một niệm bốn tướng thâu nhiếp các sanh tử vì đầy đủ năm ấm có năm mươi ác nghiệp. Thế nào là năm ấm có đủ năm mươi ác nghiệp? Đó là Thức ấm có tám, tức là tám Thức. Hai ấm Thọ

Tưởng tùy theo Thức đều có tám. Hành ấm có chín, tám là tương ưng, một là bất tương ưng. Sắc ấm có mười bảy hợp lại thành năm mươi. Nói mười bảy là năng tạo bốn đại, sở tạo mười ba, đó là năm căn - năm trần - pháp xứ vốn thâu nhiếp có ba thứ Sắc, như Luận Hiển Dương chép: "Đó là Luật nghi sắc - Bất luật nghi sắc và Định tự tại sở sanh sắc. "Tạm thời ngay nơi một môn lập thành năm mươi, như vậy năm mươi là ác thật sự, đều là trôi lăn trái với Niết-bàn, hướng về Niết-bàn kia là chân thật thiện.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Viễn hành biến kế, du lịch thập phương, nhất niệm sanh tâm sanh cụ ngũ thập ác, vân hà linh bỉ chúng sanh vô sanh nhất niệm? Phật ngôn: Linh bỉ chúng sanh, an tọa tâm thần, trụ kim cương địa tịnh niệm vô khởi, tâm thường an thái, tức vô nhất niệm". Bồ-tát Vô Trụ chép: Đi xa khắp nơi suy nghĩ, mười phương nhiều lần đi lại, một niệm tâm sanh khởi có đủ năm mươi ác, làm sao khiến chúng sanh kia bất sanh khởi một niệm? Đức Phật nói: Khiến chúng sanh kia an tọa tâm thần trụ trong Kim cương địa, niệm vắng lặng bất sanh khởi, tâm thường yên ổn, chính là không có một tâm niệm.

Luận chép: Đây là lần thứ ba xả bỏ nghi ngờ thứ ba là nói đạo có khả năng chữa trị. "Khiến cho chúng sanh" là tất cả chúng sanh từ Thập Tín trở xuống. An tọa tâm thần là từ Thập Trụ trở lên an tâm vào ba Không quyết định không lui sụt gọi là An tọa. Trụ kim cương địa là từ Sơ trụ trở lên chứng được pháp thân, xa lìa các sự diệt hoại, giống như Kim cương. Niệm vắng lặng không khởi là trong địa vị Đẳng Giác giác ngộ sự động niệm đó xưa nay vắng lặng yên tĩnh khiến cho không thể khởi lên. Tâm thường an thái là đến địa vị Diệu Giác được thấy nguồn tâm không khởi lên không diệt đi, vốn không động niệm, không có bắt đầu không có kết thúc. Không khởi lên - không diệt đi cho nên Thường. Không có động niệm cho nên An. Không bắt đầu không kết thúc cho nên không có gì không thể thư thái. Tu hành như vậy đạt được rốt ráo giác ngộ, tức là không có bốn tướng sanh tử trong một niệm. Vì điều này cho nên nói tức không có một niệm. Vì nói lên nghĩa này, trong Luận Khởi Tín giải thích chép: "Bậc sơ phát ý đến Bồ-tát, Đẳng giác đối với niệm khác niệm tướng chẳng khác nhau để xả bỏ chấp tướng, phân biệt thô thiển cho nên gọi là Tương tự giác. Như Bồ-tát pháp thân, giác ngộ đối với sự an trụ niệm, niệm tướng vô trụ, vì lìa phân biệt niệm tướng thô nên gọi là Tùy phần giác. Như Bồ-tát địa tận cùng đầy đủ phương tiện một niệm tương ưng, giác ngộ tâm ban đầu khởi tâm không có tướng ban đầu, vì xa lìa niệm nhỏ nhiệm, được thấy tâm tánh, tâm chính

là thường trụ gọi là Rốt ráo giác". Xét rằng: Trong này được thấy tâm tánh - tâm chính là thường trụ, tức là giải Thích Câu Tâm thường an thái của kinh này. Những câu còn lại giải thích theo đúng như trước tùy đó biết được. Phần lớn trên đây giảng nói về Bổn giác đã hoàn tất.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Bất khả tư nghị! Giác niệm bất sanh kỳ tâm an thái, tức bổn giác lợi, lợi vô hữu động, thường tại bất vô, vô hữu bất vô, bất vô bất giác, giác tri vô giác bổn lợi bổn giác, giác giả thanh tịnh vô nhiễm, bất kiến bất dịch, quyết định tánh cố, không thể nghĩ bàn. Phật ngôn: Như thị". Bồ-tát Vô Trụ chép: Không thể nghĩ bàn! Giác niệm bất sanh khởi thì tâm đó yên ổn, chính là lợi ích Bổn giác, lợi ích không có lay động, thường tồn tại chẳng thể không có, không có chẳng thể không có, chẳng thể không có - bất giác, giác ngộ biết rõ không có giác ngộ vốn có lợi ích vốn giác ngộ, giác ấy thanh tịnh vô nhiễm, bất biến bất dịch, vì quyết định tánh, không thể nghĩ bàn! Đức Phật nói: Đúng như vậy!

Luận chép: Đây là phần thứ ba lãnh ngộ hiểu rõ và phần thứ tư nói về thành tựu. Bất khả tư nghị là tổng kết sự lãnh ngộ khen ngợi rất mực. Xuống dưới là lãnh ngộ hiểu rõ, trong đó có hai: Trước là câu nói lãnh ngộ, sau là nghĩa lý lãnh ngộ. Nói giác niệm bất sanh thì tâm an thái: Lãnh hội câu nói Tịnh niệm không khởi tâm thường an thái ở trước, đây là nơi rốt ráo của Thỉ giác. Xuống dưới là lãnh hội nghĩa lý chép: Tức bổn giác lợi là lãnh hội không có nghĩa Thỉ giác khác với Bổn giác. Như luận giải thích: "Nếu đạt được vô niệm tức là biết tâm tướng sanh trụ dị diệt, vì những vô niệm ấy cho nên thật sự không khác nhau về Thỉ giác, vì bốn tướng cùng lúc mà có đều không tự lập nên xưa nay bình đẳng cùng chung một giác". Xét chép: Thật sự không khác với Thỉ giác là giải Thích Câu "Tức bổn giác lợi" trong kinh. Bốn tướng có cùng lúc đều không tự lập nên xưa nay bình đẳng là giải thích về "lợi vô hữu động" trong kinh. Như vậy Thỉ giác ngộ biết rằng không có khác nhau, vì có thật có thường còn chẳng thể không có. Nói Thường tại là thẳng thắn cho rằng chẳng thể không có. Nhưng trong này nói thường, mà không có đương có, cho nên nói không có mà chẳng thể không có. Đã không đương ở có Thỉ giác, tuy chẳng thể không có giác, mà chẳng thể có giác, nên nói chẳng thể không có Bất giác. Giác biết đạo lý không có giác ngộ như thế, tức biết Thỉ giác không thể khác với Bổn giác. Giác biết không có giác là lợi ích vốn có là giác ngộ. Người giác ngộ biết điều ấy rốt ráo như vậy, xa lìa sự che lấp của vô minh cho nên thanh tịnh không còn cấu nhiễm. Thanh tịnh là xưa nay trong sạch. Vô nhiễm

ấy là nay xa lìa đắm nhiễm. Không bao giờ có sanh trụ dị diệt cho nên Bất biến bất dịch. Bất dịch là không có sanh - trụ. Bất biến ấy là không có dị - diệt. Nếu là như vậy thì tức là giống như Chân - tế khác nào pháp tánh, cho nên nói là vì tánh Quyết định. Đã bình đẳng như nhau xa lìa ngôn ngữ bặt dứt suy tư, nên nói là Bất khả tư nghị. Trước đã nói Bất khả tư nghị, nay lại nói Bất khả tư nghị là cũng không thể nghĩ bàn đối với điều không thể nghĩ bàn. Phật nói: Như vậy là văn phần thứ tư kể rõ thành tựu, như những gì lãnh ngộ hiểu rõ trước đây, không trái với lý.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ văn thị ngữ dĩ đắc vị tằng hữu nhi nói kệ ngôn: Tôn giả đại giác tôn, nói sanh vô niệm pháp, vô niệm vô sanh tâm, tâm thường sanh bất diệt, nhất giác bổn giác lợi, lợi chư bổn giác giả, như bỉ đắc kim tiền, sở đắc tức phi đắc". Bồ-tát Vô Trụ nghe lời này rồi được điều không hề có mà nói kệ: Bạch Đức Thế Tôn bậc Đại giác, nói về pháp sanh vô niệm, vô niệm vô sanh khởi tâm, tâm thường sanh khởi bất diệt, lợi ích bổn giác nhất giác, lợi ích các bổn giác ấy, như người kia được tiền vàng, chỗ được thì chẳng phải mới được.

Luận chép: Đây là phần thứ hai dùng kệ khen ngợi. Trong bài tụng có ba: Hai câu đầu khen chung về năng nói, kế đến có bốn câu tụng về pháp nói trước đó, sau có hai câu tụng về Dụ nói kia. Đầu tiên nói nói pháp sanh vô niệm: Giảng nói về các chúng sanh thành tựu pháp vô niệm rốt ráo giác ngộ. Vô niệm vô sanh tâm: Không có ý niệm sanh tử thành tựu tâm vô niệm. Nói Tâm thường sanh bất diệt: sơ lược tụng về văn giảng nói. Văn ấy nói Tâm thường an thái cho đến thường tồn tại chẳng thể không có, sanh khởi nói là Tại, diệt đi nói là vô. Vì thế Nhất giác bổn giác lợi, lợi các bổn giác là các chúng sanh kia chẳng có ai không có bổn giác, cho nên nói là các Bổn giác. Hai câu sau cùng tụng về bốn dụ ở trước, toàn bộ tụng có thể biết.

Kinh: "Nhĩ thời đại chúng văn nói thị ngữ giai đắc bổn giác lợi-Bát-nhã Ba-la-mật". Lúc bấy giờ đại chúng nghe nói lời này đều được lợi ích về Bổn giác - Bát-nhã Ba-la-mật.

Luận chép: Đây là phần thứ ba nghe pháp được lợi ích. Tùy theo nghĩa lý đã giảng nói thuận theo được lợi ích cho nên được lợi ích về Bổn giác, Thỉ giác - Bát-nhã bình đẳng không khác nhau, giống như trước giải thích.